

Bản án số: 46/2024/HNGĐ-ST  
Ngày 24-5-2024  
V/v “tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Khánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Quang Đầy;

Ông Vũ Xuân Chính.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Thái Văn Gây là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 24 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 245/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Trần Văn T**. Sinh năm: 1992 (xin vắng).

Địa chỉ: **Ấp V, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau.**

Bị đơn: Bà **Nguyễn Ngọc M**. Sinh năm: 2001 (vắng mặt).

Địa chỉ: **Ấp V, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau.**

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Nguyên đơn ông **Trần Văn T** bày:

- Về hôn nhân: Ông **Trần Văn T** và bà **Nguyễn Ngọc M** thời gian tìm hiểu và kết hôn trên tinh thần tự nguyện vào năm 2019, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau.**

**Lý do xin ly hôn:** Khi chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng ly thân từ năm

2022 đến nay, trong thời gian ly thân vợ chồng không thể hàn gắn được hôn nhân, nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn tồn tại, đời sống chung không đạt được hạnh phúc, nên ông **Trần Văn T** yêu cầu được ly hôn với bà **Nguyễn Ngọc M**.

- Về nuôi con: Có một người con chung tên **Trần Gia H**, sinh ngày 07 tháng 10 năm 2020, đang sống cùng ông **T**. Khi ly hôn, ông **T** có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* *Bị đơn bà Nguyễn Ngọc M*: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, hết thời hạn theo quy định mà bà **M** không có văn bản trình bày ý kiến của mình về việc ông **T2** cầu ly hôn, nuôi con, việc cấp dưỡng, về tài sản chung và công nợ; Đồng thời, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ 02 lần Thông báo về phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng bà **M2** vắng mặt 02 lần không lý do.

*Tại phiên tòa:*

Ông **Trần Văn T** và bà **Nguyễn Ngọc M** đều vắng mặt nên không có ý kiến.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

### **[1]. Về thủ tục tố tụng**

Ông **Trần Văn T** yêu cầu ly hôn với bà **Nguyễn Ngọc M**, yêu cầu nuôi con, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bà **M** cư trú tại **ấp V, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau** theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ông **Trần Văn T** có đơn xin vắng phiên xét xử đề ngày 23 tháng 5 năm 2024 vì bận công việc đột xuất, yêu cầu này của ông **T3** chính đáng và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bà **Nguyễn Ngọc M** đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên xét xử sơ thẩm nhưng vắng mặt (lần 02) không lý do nên xét xử vắng mặt bà **M** theo Điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

### **[2]. Về nội dung vụ án**

- Về hôn nhân: Ông **T** và bà **M1** thời gian tìm hiểu và chung sống vào năm 2019, hôn nhân có tổ chức đám cưới gã theo phong tục tập quán địa phương và lập thủ tục đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã T**, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau. Giấy chứng nhận kết hôn số: 27, ngày 25 tháng 11 năm 2019. Vì vậy, quan hệ hôn

nhân giữa ông **Trần Văn T** và bà **Nguyễn Ngọc M3** pháp luật công nhận là vợ chồng.

Ông **T** cho rằng cuộc sống hôn nhân phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng không còn hạnh phúc. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bà **M** không đến Tòa án làm việc và cũng không có văn bản phản đối yêu cầu ly hôn của ông **T** chứng tỏ bà **M** không có thiện chí hàn gắn hôn nhân. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn hôn nhân giữa ông **T** và bà **M** đã đến mức trầm trọng, cả hai đương sự vẫn duy trì tình trạng ly thân từ năm 2022 đến nay và không giải quyết được mâu thuẫn. Như vậy, mục đích hôn nhân không đạt được nếu duy trì cũng không đem lại hạnh phúc cho đôi bên nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông **Trần Văn T** đối với bà **Nguyễn Ngọc M** theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Về nuôi con: Có một người con chung tên **Trần Gia H**, sinh ngày 07/10/2020. Khi ly hôn, ông **T** có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con.

Xét thấy, thực tế từ khi các đương sự ly thân cho đến nay thì **Trần Gia H** đều sống với cha, cuộc sống vẫn được đảm bảo mọi mặt, ổn định nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông **T** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc **Trần Gia H** theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

- Việc cấp dưỡng nuôi con, về chia tài sản và công nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự “*Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó*”, do đương sự không đặt ra yêu cầu về các vấn đề nêu trên nên không xem xét là có cơ sở.

- Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch ông **Trần Văn T4** chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, ông **T5** khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 147, Điều 220, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 Luật

hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

Về hôn nhân: Cho ông **Trần Văn T** ly hôn với bà **Nguyễn Ngọc M.**

Về nuôi con: Giao **Trần Gia H**, sinh ngày 07 tháng 10 năm 2020 (nam) cho ông **Trần Văn T** trực tiếp nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Việc cấp dưỡng nuôi con, về chia tài sản và công nợ: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: Ông **Trần Văn T** phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng, ông **T** được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0013775 ngày 24 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự

**Q** kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- UBND xã Tam Giang Đông, huyện Năm Căn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Minh Khánh**